

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020  
(đã được soát xét)



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05-38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10-38

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên
Ông Lê Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Ủy viên
Ông Bùi Văn Hiệu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban
Ông Lê Quý Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Hữu Thế**

Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 08 năm 2020

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 17 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biên**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.255.945.723.348</b>	<b>1.341.859.920.851</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>28.914.090.445</b>	<b>13.405.541.314</b>
111	1. Tiền		28.914.090.445	13.405.541.314
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>879.461.376.731</b>	<b>904.647.966.585</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	882.329.709.907	898.778.326.255
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	13.703.334.206	15.871.718.525
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	12.779.134.816	22.747.054.003
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(29.350.802.198)	(32.749.132.198)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>345.354.632.381</b>	<b>417.818.585.160</b>
141	1. Hàng tồn kho		345.354.632.381	417.818.585.160
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.215.623.791</b>	<b>5.987.827.792</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.215.623.791	2.085.140.286
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	3.902.687.506
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>410.909.530.203</b>	<b>417.037.553.238</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>49.564.402.292</b>	<b>49.564.402.292</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	49.564.402.292	49.564.402.292
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>170.848.637.810</b>	<b>174.155.659.122</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	153.015.050.275	156.147.877.787
222	- Nguyên giá		486.918.110.598	479.340.493.325
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(333.903.060.323)	(323.192.615.538)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	17.833.587.535	18.007.781.335
228	- Nguyên giá		22.398.866.201	22.398.866.201
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.565.278.666)	(4.391.084.866)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>44.044.364.760</b>	<b>43.940.747.487</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		44.044.364.760	43.940.747.487
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>110.851.268.352</b>	<b>110.583.525.837</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		110.851.268.352	110.583.525.837
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>35.600.856.989</b>	<b>38.793.218.500</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	35.600.856.989	38.793.218.500
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.666.855.253.551</b>	<b>1.758.897.474.089</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>981.821.103.037</b>	<b>1.065.784.175.164</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>954.917.763.692</b>	<b>1.038.900.704.819</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	391.672.156.785	342.815.577.012
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		424.206.203	347.051.897
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	24.996.345.943	12.013.688.065
314	4. Phải trả người lao động		5.452.638.050	12.941.225.925
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.746.470.138	3.836.100.672
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.352.903.590	2.097.011.319
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.273.866.694	766.894.669
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	494.629.919.524	630.376.601.995
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		31.369.256.765	33.706.553.265
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>26.903.339.345</b>	<b>26.883.470.345</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	2.808.101.250	2.788.232.250
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	24.095.238.095	24.095.238.095
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>685.034.150.514</b>	<b>693.113.298.925</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>685.034.150.514</b>	<b>693.113.298.925</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		421.115.890.000	421.115.890.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		421.115.890.000	421.115.890.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		39.014.416.963	39.014.416.963
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6.464.494.461	6.464.494.460
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		148.522.774.909	156.604.807.764
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		127.126.695.463	94.322.588.921
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		21.396.079.446	62.282.218.843
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		81.187.482	78.303.039
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.666.855.253.551</b>	<b>1.758.897.474.089</b>



Võ Thị Hồng Thắm  
Người lập

Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

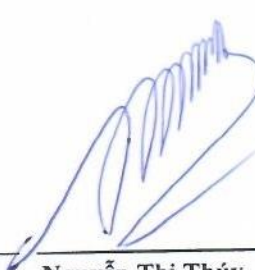
Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 08 năm 2020


## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	3.313.776.620.286	3.473.412.441.308
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	10.469.480.254	10.026.802.679
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.303.307.140.032	3.463.385.638.629
11	4. Giá vốn hàng bán	23	3.207.672.414.658	3.363.283.145.120
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		95.634.725.374	100.102.493.509
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	129.886.288	1.164.862.909
22	7. Chi phí tài chính	25	18.119.073.213	21.726.808.023
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		18.113.827.933	21.725.836.023
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		267.742.515	4.333.023.463
25	9. Chi phí bán hàng	26	42.435.564.408	36.698.073.964
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	8.921.470.983	12.992.421.318
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.556.245.573	34.183.076.576
31	12. Thu nhập khác		126.066.597	330.117.246
32	13. Chi phí khác		252.221.847	355.125.876
40	14. Lợi nhuận khác		(126.155.250)	(25.008.630)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.430.090.323	34.158.067.946
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	5.031.126.434	5.829.842.809
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.398.963.889	28.328.225.137
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		21.396.079.446	28.324.373.700
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		2.884.443	3.851.437
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	508	673

  
Võ Thị Hồng Thắm  
Người lập

  
Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc



Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 08 năm 2020



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		26.430.090.323	34.158.067.946
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.884.638.585	9.234.555.336
03	- Các khoản dự phòng		(3.398.330.000)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		310.837	(76.414)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(289.337.386)	(4.357.065.353)
06	- Chi phí lãi vay		18.113.827.933	21.725.836.023
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		51.741.200.292	60.761.317.538
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		32.248.607.360	(130.280.258.283)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		72.463.952.779	(76.655.355.793)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		58.459.448.516	42.678.018.876
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.061.878.006	(532.934.350)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.833.065.129)	(21.199.239.556)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.626.866.125)	(3.314.473.787)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.337.296.500)	(1.623.058.182)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		188.177.859.199	(130.165.983.537)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.489.653.546)	(24.914.862.613)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.594.871	24.041.890
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.468.058.675)	(24.890.820.723)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.083.413.351.710	2.481.438.824.165
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.219.160.034.181)	(2.291.688.735.437)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(29.454.258.085)	(35.274.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(165.200.940.556)	189.714.814.728

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		15.508.859.968	34.658.010.468
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		13.405.541.314	20.624.757.586
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(310.837)	76.414
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>28.914.090.445</u>	<u>55.282.844.468</u>

**Võ Thị Hồng Thắm**  
Người lập

**Nguyễn Thị Thúy**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hữu Thê**  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 08 năm 2020

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 421.115.890.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 421.115.890.000 đồng; tương đương 42.111.589 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

#### **Cấu trúc Tập đoàn**

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2020 là Công ty Cổ phần Thép Việt Đức. Công ty Cổ phần Thép Việt Đức có địa chỉ tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty con là 99,94%.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá trị khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 40.700 m<sup>2</sup> đất tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m<sup>2</sup> đất tại thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m<sup>2</sup> đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m<sup>2</sup> tại Khu biệt thự nhà vườn, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;

- Quyền sử dụng đất 270,3 m<sup>2</sup> tại BT5-C12A, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m<sup>2</sup> tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

#### **2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

#### **2.12 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### **2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### **2.15 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **2.16 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.17 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.18 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.20 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.22 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn; các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Công ty con là Công ty Cổ phần Thép Việt Đức đang trong thời gian được hưởng ưu đãi đầu tư đối với hoạt động sản xuất theo Giấy chứng nhận đầu tư do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc cấp, cụ thể: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 15% trong vòng 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (năm 2009). Được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2009) và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 07 (bảy) năm tiếp theo.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

**2.25 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.26 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.27 . Thông tin bộ phận**

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	332.689.171	181.546.857
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.581.401.274	13.223.994.457
	<b>28.914.090.445</b>	<b>13.405.541.314</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2020			01/01/2020		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	28,60%	28,60%	110.851.268.352	28,60%	28,60%	110.583.525.837
			<b>110.851.268.352</b>			<b>110.583.525.837</b>

Công ty liên kết có địa chỉ trụ sở chính tại tỉnh Vĩnh Phúc. Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm xem thuyết minh số 33.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần XNK và Thương mại Tổng hợp Miền Bắc	310.891.492.171	-	231.737.465.011	-
Công ty TNHH Thép Nam Châm	211.564.265.310	-	203.204.113.628	-
Công ty Phúc Tiến (TNHH)	46.244.616.150	-	55.552.035.781	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	77.480.887.650	-	91.358.987.075	-
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	59.156.785.380	-	93.607.038.280	-
Phải thu khách hàng khác	176.991.663.246	(29.350.802.198)	223.318.686.480	(32.749.132.198)
	<b>882.329.709.907</b>	<b>(29.350.802.198)</b>	<b>898.778.326.255</b>	<b>(32.749.132.198)</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<b>6.983.684.449</b>	<b>-</b>	<b>23.664.220.194</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Quang Minh	1.137.000.000	-	1.137.000.000	-
Công ty TNHH Kiến trúc ACT Việt Nam	5.394.256.677	-	4.794.256.677	-
Công ty TNHH Sản xuất Cầu trục và Kết cấu Công nghiệp VNC	1.520.000.000	-	1.600.000.000	-
Công ty TNHH XD Tiến Thành Vĩnh Phúc	1.100.000.000	-	500.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	4.552.077.529	-	7.840.461.848	-
	<b>13.703.334.206</b>	<b>-</b>	<b>15.871.718.525</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	1.194.000	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	176.000	-
Tạm ứng	3.991.100.000	-	5.060.658.560	-
Ký cược, ký quỹ	8.103.832.000	-	17.175.980.750	-
Phải thu khác	684.202.816	-	509.044.693	-
	<b>12.779.134.816</b>	<b>-</b>	<b>22.747.054.003</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
UBND Huyện Bình Xuyên (*)	441.580.000	-	441.580.000	-
Tiền đền bù Giải phóng mặt bằng (*)	49.122.822.292	-	49.122.822.292	-
	<b>49.564.402.292</b>	<b>-</b>	<b>49.564.402.292</b>	<b>-</b>

(\*): Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Legend City giai đoạn I (25ha) sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị (Thông tin về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	20.084.673.750	-	23.483.003.750	-
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
	<b>29.350.802.198</b>	<b>-</b>	<b>32.749.132.198</b>	<b>-</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	31.551.877.469	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	124.712.771.186	-	233.187.395.195	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.871.982.482	-	11.269.556.405	-
Thành phẩm	178.218.001.244	-	173.361.633.560	-
	<b>345.354.632.381</b>	<b>-</b>	<b>417.818.585.160</b>	<b>-</b>

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>44.044.364.760</b>	<b>43.940.747.487</b>
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh <sup>(1)</sup>	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City <sup>(2)</sup>	35.469.819.306	35.366.202.033
	<b>44.044.364.760</b>	<b>43.940.747.487</b>

**Thông tin chi tiết về các dự án:**

**(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m<sup>2</sup> xuống còn 4.248m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/-SGDBĐS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị.

**(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City**

- Chủ đầu tư: Công ty CP Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội;
- Địa điểm: Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 23,6ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại giai đoạn I; chuẩn bị triển khai thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đối phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất.
- Thông tin pháp lý:
  - + Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc;
  - + Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích 23,6ha.
  - + Quyết định số 3156/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Legend City thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
  - + Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

## 11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	201.204.389.774	247.419.538.793	29.117.990.040	1.598.574.718	479.340.493.325
- Mua trong kỳ	-	-	7.577.617.273	-	7.577.617.273
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>201.204.389.774</b>	<b>247.419.538.793</b>	<b>36.695.607.313</b>	<b>1.598.574.718</b>	<b>486.918.110.598</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	66.831.784.167	230.836.886.935	23.925.369.718	1.598.574.718	323.192.615.538
- Khấu hao trong kỳ	5.349.247.218	3.737.252.478	1.623.945.089	-	10.710.444.785
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>72.181.031.385</b>	<b>234.574.139.413</b>	<b>25.549.314.807</b>	<b>1.598.574.718</b>	<b>333.903.060.323</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	134.372.605.607	16.582.651.858	5.192.620.322	-	156.147.877.787
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>129.023.358.389</b>	<b>12.845.399.380</b>	<b>11.146.292.506</b>	<b>-</b>	<b>153.015.050.275</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 201.712.309.522 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	22.295.441.201	103.425.000	22.398.866.201
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>22.295.441.201</b>	<b>103.425.000</b>	<b>22.398.866.201</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.287.659.866	103.425.000	4.391.084.866
- Khấu hao trong kỳ	174.193.800	-	174.193.800
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.461.853.666</b>	<b>103.425.000</b>	<b>4.565.278.666</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	18.007.781.335	-	18.007.781.335
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>17.833.587.535</b>	<b>-</b>	<b>17.833.587.535</b>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.374.187.669	1.210.516.630
Chi phí quảng cáo	566.666.667	791.290.323
Tiền thuê đất	220.224.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	54.545.455	83.333.333
	<b>2.215.623.791</b>	<b>2.085.140.286</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	5.617.456.271	5.705.688.569
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	4.500.000.000	6.120.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	17.662.611.112	18.832.161.401
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.086.577.192	6.929.320.576
Chi phí quảng cáo	2.734.212.414	1.206.047.954
	<b>35.600.856.989</b>	<b>38.793.218.500</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	76.020.347.051	76.020.347.051	87.986.126.779	87.986.126.779
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	62.450.807.981	62.450.807.981	67.909.931.605	67.909.931.605
Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt Trung	78.735.781.300	78.735.781.300	66.943.957.321	66.943.957.321
Công ty TNHH Thép Nam Châm	37.045.670.101	37.045.670.101	24.307.248.450	24.307.248.450
Công ty TNHH MARUBENI - ITOCHU STEEL Việt Nam	19.866.798.600	19.866.798.600	-	-
Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	34.489.444.220	34.489.444.220	-	-
Phải trả các đối tượng khác	83.063.307.532	83.063.307.532	95.668.312.857	95.668.312.857
	<b>391.672.156.785</b>	<b>391.672.156.785</b>	<b>342.815.577.012</b>	<b>342.815.577.012</b>

## 15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.660.684.676	59.848.496.957	44.134.282.128	-	18.374.899.505
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	87.993.447	87.993.447	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	9.216.866.125	5.031.126.434	9.626.866.125	-	4.621.126.434
Thuế Thu nhập cá nhân	-	136.137.264	2.090.656.377	666.921.637	-	1.559.872.004
Thuế Tài nguyên	-	-	14.348.000	14.348.000	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	456.689.280	16.241.280	-	440.448.000
Các loại thuế khác	-	-	11.800.000	11.800.000	-	-
	-	<b>12.013.688.065</b>	<b>67.541.110.495</b>	<b>54.558.452.617</b>	-	<b>24.996.345.943</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	318.454.519	37.691.715
- Trích trước tiền điện	2.428.015.619	3.139.408.957
- Chi phí phải trả khác	-	659.000.000
	<b>2.746.470.138</b>	<b>3.836.100.672</b>

**17 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	482.970.700	487.995.800
- Bảo hiểm xã hội	-	3.753.650
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	76.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	281.177.538	257.323.323
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.509.718.456	17.745.896
	<b>2.273.866.694</b>	<b>766.894.669</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.808.101.250	2.788.232.250
	<b>2.808.101.250</b>	<b>2.788.232.250</b>
<b>c) Phải trả khác là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>	<b>27.500.000</b>	<b>27.500.000</b>

## 18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>629.171.840.090</b>	<b>629.171.840.090</b>	<b>2.083.413.351.710</b>	<b>2.218.160.034.181</b>	<b>494.425.157.619</b>	<b>494.425.157.619</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	485.609.418.179	485.609.418.179	1.444.461.977.156	1.550.400.000.000	379.671.395.335	379.671.395.335
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên	112.065.388.251	112.065.388.251	446.701.466.096	477.641.773.483	81.125.080.864	81.125.080.864
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc	29.097.033.660	29.097.033.660	158.549.908.458	154.018.260.698	33.628.681.420	33.628.681.420
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	19.900.000.000	19.900.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	2.400.000.000	2.400.000.000	13.800.000.000	16.200.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.204.761.905</b>	<b>1.204.761.905</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>204.761.905</b>	<b>204.761.905</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	1.204.761.905	1.204.761.905	-	1.000.000.000	204.761.905	204.761.905
	<b>630.376.601.995</b>	<b>630.376.601.995</b>	<b>2.083.413.351.710</b>	<b>2.219.160.034.181</b>	<b>494.629.919.524</b>	<b>494.629.919.524</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	25.300.000.000	25.300.000.000	-	1.000.000.000	24.300.000.000	24.300.000.000
	<b>25.300.000.000</b>	<b>25.300.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>24.300.000.000</b>	<b>24.300.000.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.204.761.905)	(1.204.761.905)	-	-	(204.761.905)	(204.761.905)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>24.095.238.095</b>	<b>24.095.238.095</b>			<b>24.095.238.095</b>	<b>24.095.238.095</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn:***Đơn vị tính: VND*

TT	Ngân hàng/Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ tại 30/06/2020	Hình thức bảo đảm
<b>1</b>	<b>Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên</b>					<b>379.671.395.335</b>	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/1509578/HĐTD ngày 16/01/2020	500.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	15/01/2021	Quy định cụ thể tại từng khế ước vay	231.362.125.282	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2020/1853346/HĐTD ngày 16/01/2020	400.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	15/01/2021	Quy định cụ thể tại từng khế ước vay	148.309.270.053	
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên</b>					<b>81.125.080.864</b>	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 19.65.0001/2019 – HĐCVHM/NHCT262 – ONG THEP VIET DUC ngày 10/10/2019	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt, thép	10/10/2020	Quy định cụ thể tại từng khế ước vay	50.137.849.375	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 20.93.0001/2020- HĐCVHM/NHCT262-THEP VIET DUC ngày 11/06/2020	100.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	31/05/2021	Quy định cụ thể tại từng khế ước vay	30.987.231.489	
<b>3</b>	<b>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc</b>					<b>33.628.681.420</b>	
	Hợp đồng tín dụng số 9556401.20 ngày 20/04/2020	100.000.000.000	Đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ống thép	12 tháng	Quy định cụ thể tại từng khế ước vay	33.628.681.420	Tài sản đảm bảo
	<b>Tổng cộng</b>					<b>494.425.157.619</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn:***Đơn vị tính: VND*

TT	Ngân hàng/Số hợp đồng	Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ tại 30/06/2020	Nợ phải trả trong 12 tháng tới	Hình thức bảo đảm
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					24.300.000.000	204.761.905	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2019/1509578/HĐTD ngày 27/09/2019.	42.000.000.000	Đầu tư toà nhà văn phòng và trung tâm thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	72 tháng	Áp dụng lãi suất thả nổi	24.300.000.000	204.761.905	Tài sản đảm bảo
	<b>Tổng cộng</b>					<b>24.300.000.000</b>	<b>204.761.905</b>	



19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	375.997.100.000	69.835.386.699	35.789.986.640	5.661.628.693	139.441.378.920	69.265.152	626.794.746.104
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	28.324.373.700	3.851.437	28.328.225.137
Phân phối lợi nhuận	45.118.790.000	-	-	-	(45.118.790.000)	-	-
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>421.115.890.000</b>	<b>69.835.386.699</b>	<b>35.789.986.640</b>	<b>5.661.628.693</b>	<b>122.646.962.620</b>	<b>73.116.589</b>	<b>655.122.971.241</b>
Số dư đầu năm nay	421.115.890.000	69.835.386.699	39.014.416.963	6.464.494.460	156.604.807.764	78.303.039	693.113.298.925
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	21.396.079.446	2.884.443	21.398.963.889
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(29.478.112.300)	-	(29.478.112.300)
Giảm khác	-	-	-	1	(1)	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>421.115.890.000</b>	<b>69.835.386.699</b>	<b>39.014.416.963</b>	<b>6.464.494.461</b>	<b>148.522.774.909</b>	<b>81.187.482</b>	<b>685.034.150.514</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCD-VGS ngày 28 tháng 03 năm 2020, Công ty thông qua việc chia cổ tức năm 2019 bằng 7%/vốn điều lệ tương ứng số tiền 29.478.112.300 đồng, hình thức chi trả bằng tiền mặt.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Ông Lê Minh Hải	85.000.000.000	20,18%	85.000.000.000	20,18%
Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy	45.250.000.000	10,75%	45.250.000.000	10,75%
Bà Nguyễn Thị Nhi	23.585.200.000	5,60%	23.585.200.000	5,60%
Bà Lê Khánh Huyền	34.700.000.000	8,24%	34.700.000.000	8,24%
Ông Lê Quốc Khánh	21.700.000.000	5,15%	21.700.000.000	5,15%
Các cổ đông khác	210.880.690.000	50,08%	210.880.690.000	50,08%
	<b>421.115.890.000</b>	<b>100%</b>	<b>421.115.890.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>	<b>6 tháng đầu năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	421.115.890.000	421.115.890.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	421.115.890.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	45.118.790.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	421.115.890.000	421.115.890.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	257.323.323	237.597.323
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	29.478.112.300	45.118.790.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	29.478.112.300	45.118.790.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(29.454.258.085)	(7.774.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(29.454.258.085)	(7.774.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu</i>	-	(45.118.790.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	(45.118.790.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	281.177.538	229.823.323
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>30/06/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.111.589	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	42.111.589	42.111.589
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	42.111.589	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.111.589	42.111.589
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	42.111.589	42.111.589
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>	<b>30/06/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	39.014.416.963	39.014.416.963
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.464.494.461	6.464.494.460
	<b>45.478.911.424</b>	<b>45.478.911.423</b>
<b>20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
<b>Ngoại tệ các loại</b>	<b>30/06/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	15.484,18	2.717,25
<b>21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>	<b>6 tháng đầu năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa	1.471.998.045.110	1.289.710.920.248
Doanh thu bán thành phẩm	1.835.521.653.175	2.177.817.951.061
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.256.922.001	5.883.569.999
	<b>3.313.776.620.286</b>	<b>3.473.412.441.308</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan	<b>48.728.373.935</b>	<b>58.361.913.137</b>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)		



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	9.961.259.508	9.689.436.499
Hàng bán bị trả lại	363.492.056	138.906.108
Giảm giá hàng bán	144.728.690	198.460.072
	<b>10.469.480.254</b>	<b>10.026.802.679</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.461.611.179.110	1.281.715.976.932
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.741.067.409.900	2.079.450.026.037
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.993.825.648	2.117.142.151
	<b>3.207.672.414.658</b>	<b>3.363.283.145.120</b>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	21.594.871	24.041.890
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	108.291.417	1.138.635.037
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	2.109.568
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	76.414
	<b>129.886.288</b>	<b>1.164.862.909</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	18.113.827.933	21.725.836.023
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.934.443	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	310.837	972.000
	<b>18.119.073.213</b>	<b>21.726.808.023</b>

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	584.982.554	541.327.087
Chi phí nhân công	6.270.175.827	7.565.564.469
Chi phí khấu hao tài sản cố định	603.440.520	601.366.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.258.196.705	27.046.556.735
Chi phí khác bằng tiền	718.768.802	943.259.323
	<b>42.435.564.408</b>	<b>36.698.073.964</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	351.872.647	1.027.756.167
Chi phí nhân công	7.034.437.755	7.349.306.027
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.195.779.755	1.268.598.444
Thuế, phí, lệ phí	568.076.029	605.646.445
Hoàn nhập dự phòng	(3.398.330.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.375.325.646	1.200.797.409
Chi phí khác bằng tiền	1.794.309.151	1.540.316.826
	<b>8.921.470.983</b>	<b>12.992.421.318</b>

**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	4.192.133.313	4.546.984.152
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	838.993.121	1.282.858.657
	<b>5.031.126.434</b>	<b>5.829.842.809</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	9.216.866.125	1.514.473.787
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(9.626.866.125)	(3.314.473.787)
	<b>4.621.126.434</b>	<b>4.029.842.809</b>

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	21.396.079.446	28.324.373.700
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.396.079.446	28.324.373.700
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	42.111.589	42.111.589
	<b>508</b>	<b>673</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Bản điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.697.318.242.200	1.959.754.193.397
Chi phí nhân công	31.861.501.261	36.379.570.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.884.638.585	9.234.555.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.018.313.623	86.186.151.213
Chi phí khác bằng tiền	2.536.205.863	3.119.122.594
	<b><u>1.805.618.901.532</u></b>	<b><u>2.094.673.592.664</u></b>

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.914.090.445	-	13.405.541.314	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	944.673.247.015	(29.350.802.198)	971.089.782.550	(32.749.132.198)
	<b><u>973.587.337.460</u></b>	<b><u>(29.350.802.198)</u></b>	<b><u>984.495.323.864</u></b>	<b><u>(32.749.132.198)</u></b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			518.725.157.619	654.471.840.090
Phải trả người bán, phải trả khác			396.754.124.729	346.370.703.931
Chi phí phải trả			2.746.470.138	3.836.100.672
			<b><u>918.225.752.486</u></b>	<b><u>1.004.678.644.693</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.914.090.445	-	-	28.914.090.445
Phải thu khách hàng, phải thu khác	865.758.042.525	49.564.402.292	-	915.322.444.817
	<u>894.672.132.970</u>	<u>49.564.402.292</u>	<u>-</u>	<u>944.236.535.262</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.405.541.314	-	-	13.405.541.314
Phải thu khách hàng, phải thu khác	888.776.248.060	49.564.402.292	-	938.340.650.352
	<u>902.181.789.374</u>	<u>49.564.402.292</u>	<u>-</u>	<u>951.746.191.666</u>

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Vay và nợ	494.629.919.524	24.095.238.095	-	518.725.157.619
Phải trả người bán, phải trả khác	393.946.023.479	2.808.101.250	-	396.754.124.729
Chi phí phải trả	2.746.470.138	-	-	2.746.470.138
	<b>891.322.413.141</b>	<b>26.903.339.345</b>	<b>-</b>	<b>918.225.752.486</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Vay và nợ	630.376.601.995	24.095.238.095	-	654.471.840.090
Phải trả người bán, phải trả khác	343.582.471.681	2.788.232.250	-	346.370.703.931
Chi phí phải trả	3.836.100.672	-	-	3.836.100.672
	<b>977.795.174.348</b>	<b>26.883.470.345</b>	<b>-</b>	<b>1.004.678.644.693</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	Tổng Giám đốc là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>	<b>48.728.373.935</b>	<b>58.361.913.137</b>
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	48.728.373.935	58.361.913.137
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>63.330.000</b>	<b>125.730.000</b>
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	63.330.000	125.730.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>6.983.684.449</b>	<b>23.664.220.194</b>
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	6.983.684.449	23.664.220.194
<b>Phải trả khác</b>	<b>27.500.000</b>	<b>27.500.000</b>
Ông Nguyễn Hữu Thế	13.750.000	13.750.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	13.750.000	13.750.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

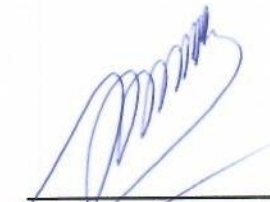
	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	265.000.000	308.000.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	530.000.000	578.000.000

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.



**Võ Thị Hồng Thắm**  
Người lập



**Nguyễn Thị Thúy**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hữu Thế**  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 08 năm 2020

